

# GIẢI PHÁP COBOT

Collaborative palletizing workstation



**Giải pháp COBOT**  
Collaborative Palletizing Workstation

**Dễ dàng sử dụng**  
Collaborative palletizing robots redefine "ease of use":

**Phạm vi làm việc rộng, khả năng bốc hàng 10-50kg, Chiều cao xếp chồng tối đa 2600mm**  
Wide working range, capable of carrying 10-50kg, with a maximum stacking capacity of 2600mm

**Tốc độ xếp nhanh, lên tới 7-16 thùng/phút**  
Fast stacking speed, up to 7-16 boxes/minute

**An toàn cao, phát hiện va chạm, phối hợp giữa người và máy, duy trì trạng thái khi mất điện**  
High safety, collision detection, human-machine cooperation, and maintaining posture during power outage

**Dễ sử dụng, thao tác đơn giản và ứng dụng thực tiễn**  
Strong usability, simple operation, and practicality

**Chỉ mất 5 phút để chuyển đổi sản phẩm và 30 phút để thay đổi dây chuyền sản xuất**  
5 minute product change, 30 minute production line change



**COBOT**  
Collaborative Robot

**Cobot tải nặng hàng đầu quốc tế, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm chi phí**  
International first-class heavy-load cooperative robot, safe, efficient and cost-effective.

**TRỤC NÂNG HẠ**  
Frame Assembly

**HỆ THỐNG ĐỊNH VỊ**  
Card Positioning System

**Hệ thống định vị thẻ cơ học đơn giản và thực tế**  
Mechanical card-positioning system is simple and practical.

**HỆ THỐNG VẬN HÀNH**  
Operating System

**Màn hình cảm ứng có độ nhạy cao 12,1 inch/máy tính, Hệ điều hành WSC V1.0**

12.1 inch high sensitive capacitive touch screen/7-inch integrated computer;WSC collaborative palletizing robot system V1.0

**BỘ GẮP HÚT THÙNG**  
End Effector

**Thiết kế nhẹ và đơn giản, lực hút lớn và chống rơi,**  
Lightweight and simple design, large suction and anti-dropping, patented products.

**TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN**  
Electric Box Control Cabinet

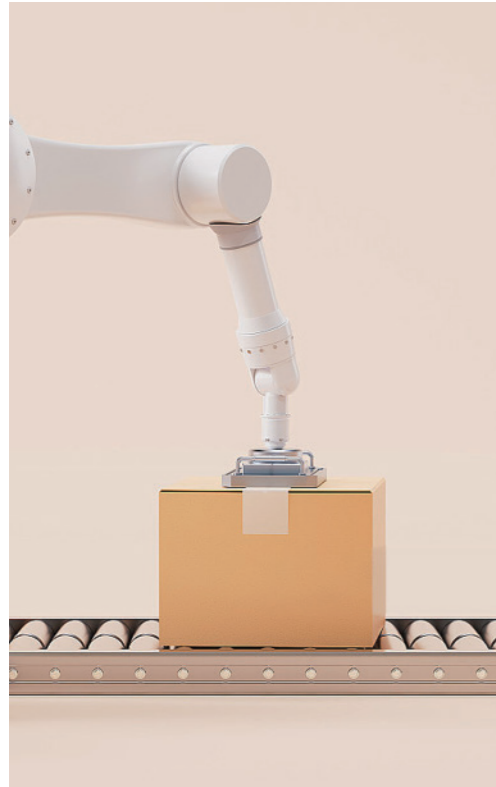
**Được nghiên cứu và phát triển độc lập bởi công ty, mức tiêu thụ điện năng thấp, cấu hình mạnh mẽ và tích hợp sẵn tủ điều khiển điện**

Independent research and development in the company, low energy consumption, high configuration, integrated electric control cabinet.



## LỢI ÍCH CỦA VIỆC SỬ DỤNG COBOT

Analysis of the advantages of collaborative palletizing



### ỨNG DỤNG RỘNG RÃI

Applications

Ứng dụng rộng rãi trong ngành thực phẩm, y học, 3C, hoá chất, in ấn và các ngành công nghiệp khác.  
Applications in Food Industry, Medicine, 3C, Chemicals, Printing, and Other Industries

### AN TOÀN VÀ ỔN ĐỊNH

Safe and Stable

Hỗ trợ phát hiện va chạm 10 cấp độ để tránh làm người lao động bị thương và hỏng thiết bị.  
Cung cấp 10 giao diện I/O an toàn, đảm bảo các chức năng an toàn vẫn được duy trì ngay cả khi xảy ra lỗi đơn giản. Khi nguồn điện bị tắt, sản phẩm vẫn không rơi, giúp vận hành an toàn và ổn định.  
Support collision detection with 10 levels to prevent injury to workers and equipment damage.  
Provide 10 safe I/O interfaces, ensuring safety functions remain intact even in the event of a single fault.  
The end device will not drop when power is off, ensuring product safety and stability.

### TRIỂN KHAI LINH HOẠT

Dynamic Deployment

Thiết kế tích hợp, nhẹ và linh hoạt, máy kích thước nhỏ. Có thể lưu trữ tới 100 công thức xếp hàng.  
Integrated, Lightweight, and Flexible Design, Compact Size Machine. Can store up to 100 stacking formulas

### SẢN XUẤT LINH HOẠT

Flexible Production

Chuyển đổi nhanh chóng giữa nhiều lưu trữ chức năng.  
Chuyển đổi vận hành cho sản phẩm khác nhau trong 5 phút.  
Quick Changeover to Maintain Multiple Storage Functions  
Switch Operations for Different Products Within 5 Minutes

### LẬP TRÌNH DỄ DÀNG

Easy Programming

Người mới nắm vững phương pháp lập trình trong 30 phút,  
Lập trình trực quan, giao diện đơn giản và hiệu quả,  
Người sử dụng có thể bắt đầu sau 0.5-1 ngày đào tạo.

Beginner Mastery of Programming Methods in 30 Minutes  
Intuitive Programming, Simple and Efficient Interface  
Users Can Start After 0.5-1 Day of Training



Đễ sử dụng  
Easy to use



An toàn làm việc cộng tác  
Collaborative security



Cải thiện hiệu suất  
improve efficiency



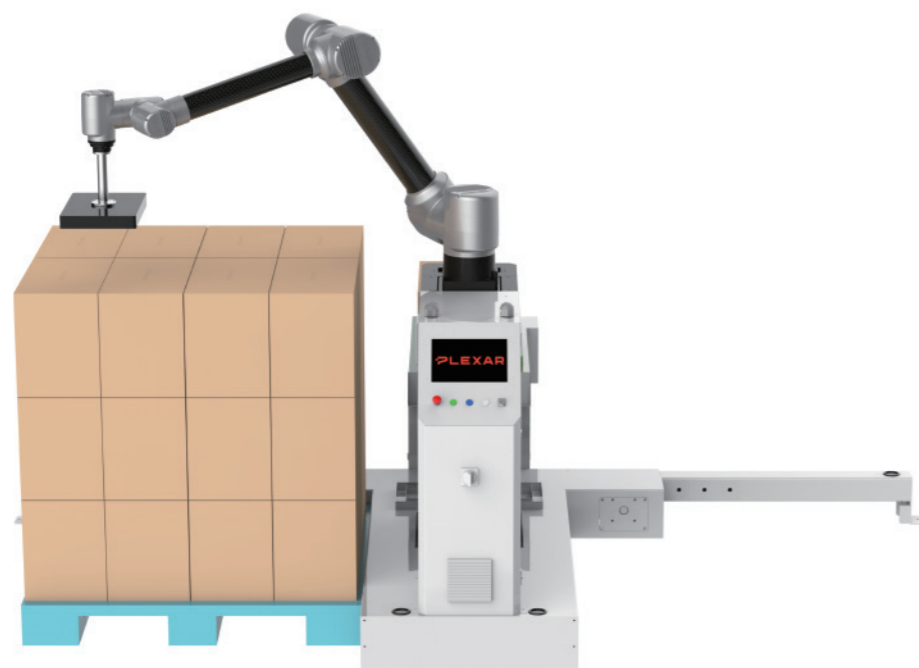
## CHI TIẾT SẢN PHẨM

### Product Details

#### Chi tiết Detail

Trọng lượng Weight	300kg
Tải trọng Payload	16/20/30/40/50kg
Điện năng Power Dissipation	3Kw
Nguồn điện Rated Voltage	220V
Tốc độ tối đa Maximum Working Speed	1.2m/s

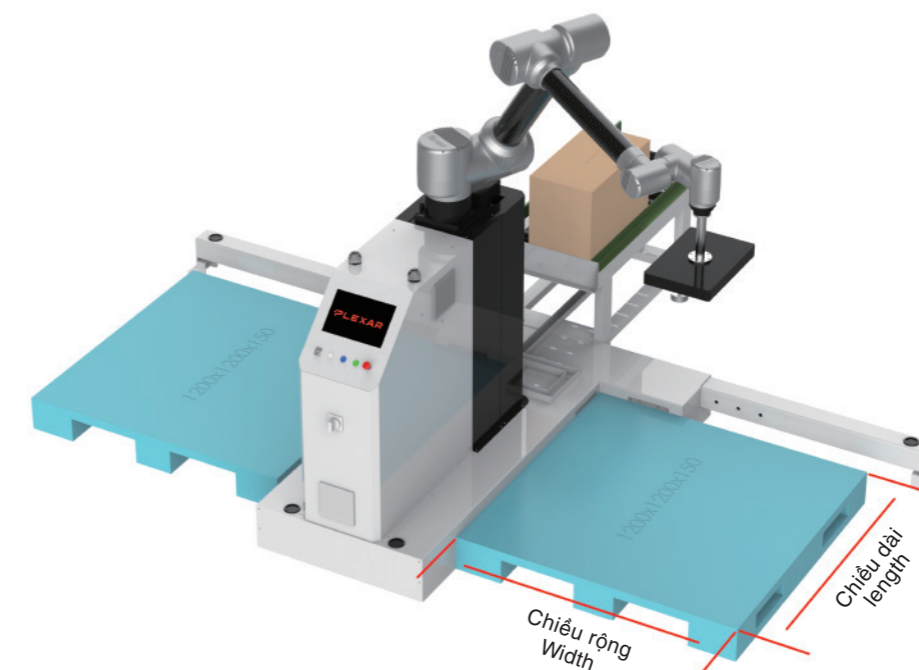
Khí nén pneumatic	Nguồn khí Air Source	0.5-0.8Mpa Dry Compressed Air 0.5-0.8Mpa
	Lượng tiêu thụ khí nén Gas Consumption	300-450NL/min
	Lưu lượng khí nén Maximum Vacuum Flow Rate	1460L/min
	Tuổi thọ của bàn hút Life of Suction Cup Foam	120000 lần/thùng Times/box
	Giác hút silicone (bộ phận tiêu hao) Silicone Suction Cups (Vulnerable Parts)	3-4 tháng



#### Chi tiết Detail

#### Mô tả Describe

Chiều cao xếp hàng Stack Height	Chiều cao xếp hàng tối đa 2100/2600mm (bao gồm cả pallet) Maximum stackable height for lifting 2100/2600mm (including pallets)
Kích thước pallet Pallet Size	≤ 1400*1400mm
Kích thước thùng Stackable Box Size	L(260-500)*W(200-450)*H(150-400)mm
Tốc độ xếp nhanh nhất Fastest Stack Speed	Xếp 7-16 thùng/phút (tùy thuộc vào quá trình vận hành, kiểu xếp và tải trọng) Stacking 7-16 boxes per minute (depending on operating conditions, stacking type, and load)
Bán kính làm việc Working Radius	Bán kính tối đa 1900mm Maximum working radius 1900mm
Chức năng an toàn Safety Function	Tùy chọn: Lưới an toàn, hàng rào an toàn Optional: safety grating, safety fence
Cấp độ IP IP Grade	Cánh tay cobot đạt chuẩn IP54, Linh kiện và phụ kiện khác tuân thủ IP32 The robotic arm IP54, furniture, and other accessories all comply with IP32
Giao diện Interface	Hỗ trợ đầu vào và ra an toàn, bao gồm dừng khẩn cấp, bảo vệ an toàn, chế độ quản lý, cài đặt gốc và các chế độ khác Supports safe input and output, including emergency stop, safety protection, manager mode, manufacturer settings, and other modes
Tính năng an toàn Safety Function	Chức năng dừng khẩn cấp, giao diện bên ngoài dành riêng (Có thể điều khiển qua giao diện I/O) Emergency stop function, reserved external safety interface (can be controlled through I/O interface)



## CẤU HÌNH CƠ BẢN CỦA COBOT


Basic configuration of collaborative palletizing workstation

Dự án Project	Tên Name
Thành phần chính Main components	Cobot Collaborative robots
	Hệ thống vận hành và kiểm soát Operation and Control System
Bộ phận điều khiển điện Electric control main component	Bộ điều khiển lập trình và dây cáp Teaching pendant and cable
	Gói phần mềm điều khiển corobot WSC V4.0 WSC Collaborative Robot V4.0 Control System Software Package
Thành phần giá đỡ Rack components	Chân đế cố định di động tiện lợi Convenient mobile fixed base
	Xích kéo mô đun cột nâng thứ 7 và xích kéo Seventh axis lifting column module and drag chain
	Cảm biến phát hiện pallet và đèn báo Pallet detection sensors and indicator lights
Bộ gắp hút thùng End effector	Bàn hút Grab suction cup
	Nhóm khí nén: Nhóm xử lý không khí, van điện tử, ống dẫn khí Pneumatic group: air handling group, solenoid valve, tool end air pipe

 **Dễ sử dụng**  
Easy to Operate


Lập trình trực quan, đơn giản và hiệu quả, nhân viên bình thường có thể dễ dàng điều khiển cobot mà không cần phải thành thạo ngôn ngữ lập trình. Chế độ lập trình có thể học trong nửa giờ và lập trình đơn giản có thể thành thạo trong 1 giờ.

Visual programming is simple and efficient, and ordinary employees can easily manipulate robots without having to master the programming language. The programming mode can be learned in half an hour and simple programming can be completed in 1 hour.

 **Triển khai linh hoạt**  
Flexible Deployment

Thiết kế tích hợp, nhẹ và linh hoạt, diện tích chiếm dụng nhỏ, Triển khai cài đặt tác vụ mới trên trạm làm việc đơn giản, nhanh chóng và hiệu quả.

Integrated design, light and flexible, small footprint area; Workstation deployment of new task setting is simple, quick and efficient.

 **Ứng dụng rộng rãi**  
Wide Applications

Ứng dụng rộng rãi trong ngành thực phẩm, y học, 3C, hoá chất, in ấn và các ngành công nghiệp khác

Widely used in food, pharmaceuticals, 3C, daily chemistry, e-commerce and other industries

## CẤU HÌNH MỞ RỘNG, ĐẢM BẢO AN TOÀN HOẠT ĐỘNG CỦA COBOT

Expanded Configuration of Cobot



**CẢM BIẾN LIDAR**  
LIDAR Sensor

- Cài đặt khoảng cách phát hiện linh hoạt, không tiếp xúc.
- Báo động và giảm tốc độ khi đến vùng màu vàng.
- Dừng lại ngay khi đi vào vùng đỏ.

- Flexible, Non-contact Detection Range Setup.
- Alert and Reduce Speed upon Entering Yellow Zone.
- Stop Immediately Upon Entering Red Zone.



**CẢM BIẾN CHẮN QUANG AN TOÀN**  
Safety Light Curtain Sensor

- Hiệu suất ổn định và khả năng chống nhiễu mạnh mẽ.
- Độ nhạy cao và phản hồi nhanh.

- Stable performance and strong anti-interference capability.
- High sensitivity and quick response.

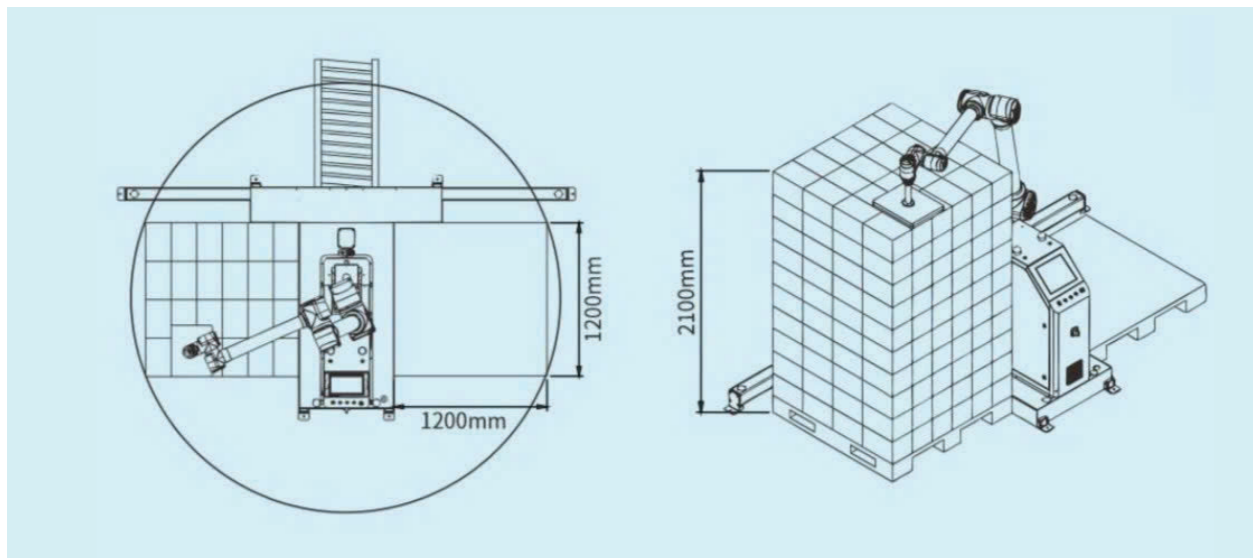


**HÀNG RÀO AN NINH**  
Safety Fence

Bảo vệ vật lý, an toàn và tin cậy.  
Physical Protection, Safety, and Reliability.

## P-MD16PRO Series

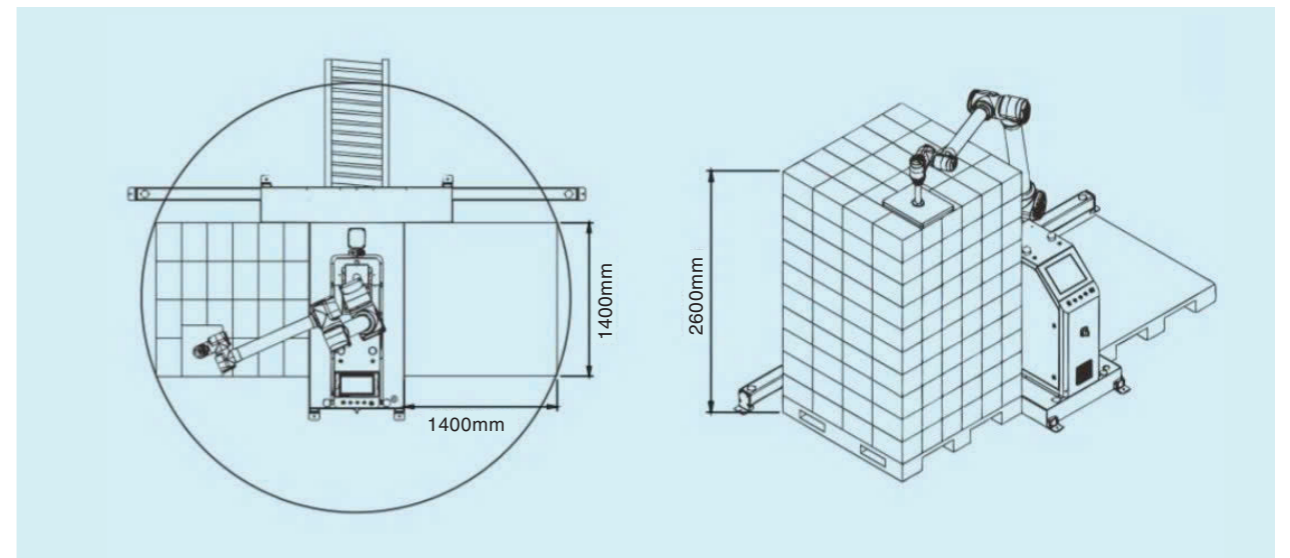
Model	P-MD16PRO	P-MD16PRO-G
Tải trọng nâng Load	16kg	16kg
Bán kính làm việc Working radius	1900mm	1900mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm	2100mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<9 lần/phút	<12 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55°C	0~55°C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	2.4Kw	2.4Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 350kg	≈ 350kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3150x1716mm	3150x1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.2m	3.2m

## P-MD16PMAX Series

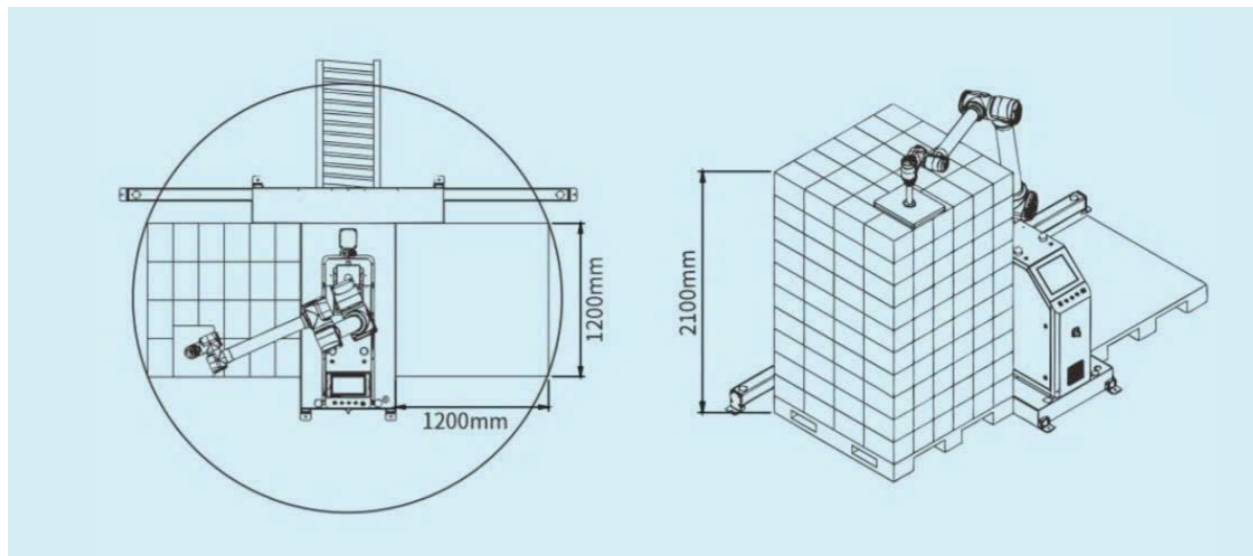
Model	P-MD16MAX	P-MD16MAX-G
Tải trọng nâng Load	16kg	16kg
Bán kính làm việc Working radius	1900mm	1900mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2600mm	2600mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<9 lần/phút	<12 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55°C	0~55°C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	3.2Kw	3.2Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 350kg	≈ 350kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3550x1716mm	3550x1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.2m	3.2m

## P-MD20PRO Series

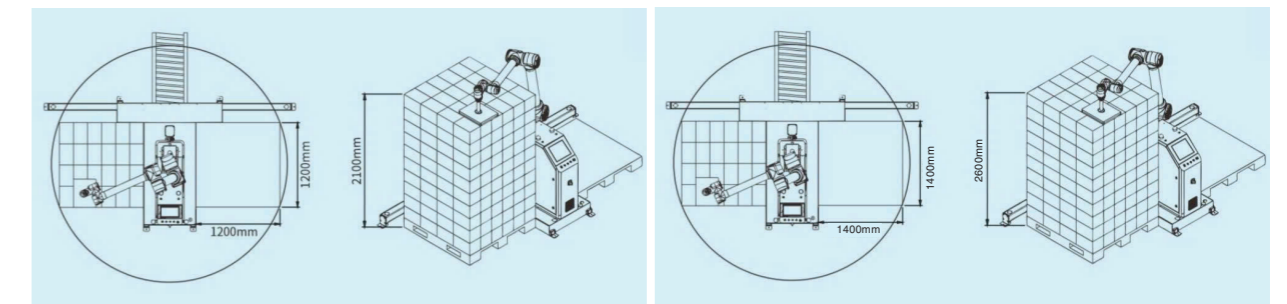
Model	P-MD20PRO	P-MD20PRO-G
Tải trọng nâng Load	20kg	20kg
Bán kính làm việc Working radius	1900mm	1900mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm	2100mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<9 lần/phút	<12 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55°C	0~55°C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	2.6Kw	2.6Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 350kg	≈ 350kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3150x1716mm	3150x1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.2m	3.2m

## P-MD20MAX Series

Model	P-MD20MAX		P-MD20MAX-G	
Tải trọng nâng Load	20kg		20kg	
Bán kính làm việc Working radius	1600mm	1900mm	1600mm	1900mm



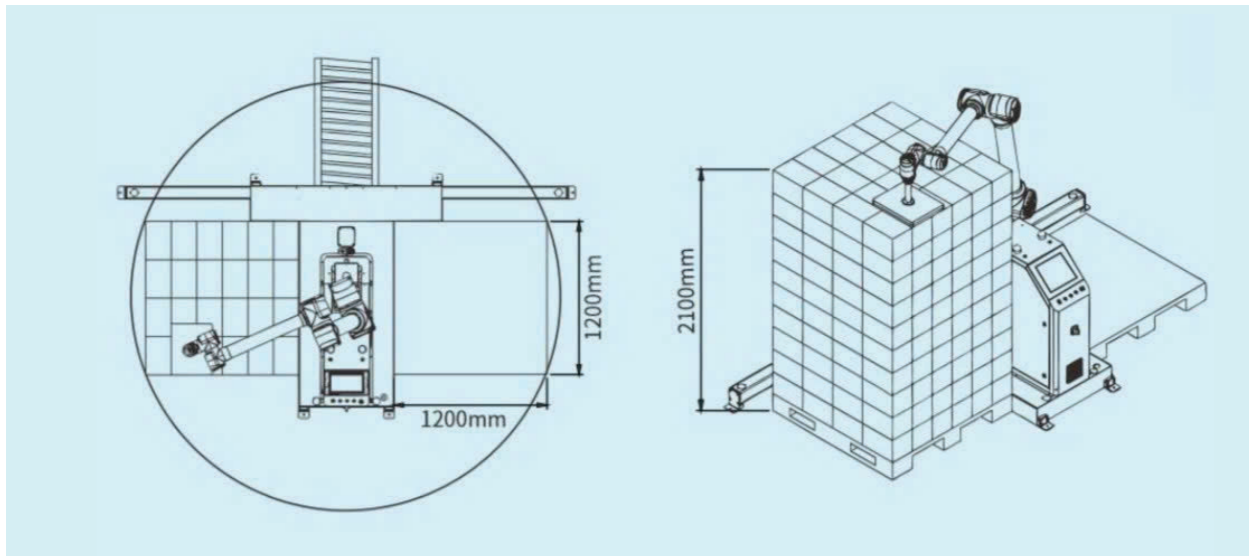
Bán kính làm việc 1600mm  
Working radius

Bán kính làm việc 1900mm  
Working radius

Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm	2600mm	2100mm	2600mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<9 lần/phút		<12 lần/phút	
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm		±0.04mm	
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn		Tùy chọn	
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54		IP54	
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55°C		0~55°C	
Công suất tối đa Maximum power dissipation	3.3Kw		3.3Kw	
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz		220v/50Hz	
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 350kg		≈ 350kg	
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm		1505x1716mm	
Không gian hoạt động Equipment operating area	3550x1716mm		3550x1716mm	
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3m	3.2m	3m	3.2m

## P-MD25PRO Series

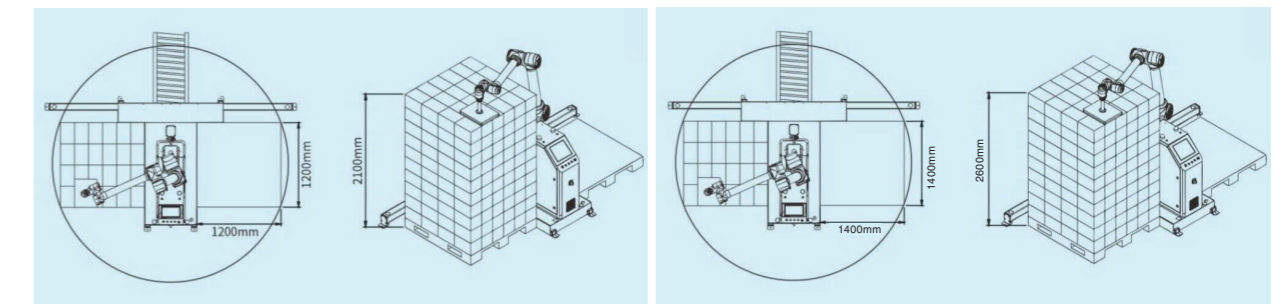
Model	P-MD25PRO	P-MD25PRO-G
Tải trọng nâng Load	25kg	25kg
Bán kính làm việc Working radius	1900mm	1900mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm	2100mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<9 lần/phút	<12 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55°C	0~55°C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	2.8Kw	2.8Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 350kg	≈ 350kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3150x1716mm	3150x1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.2m	3.2m

## P-MD25MAX Series

Model	P-MD25MAX		P-MD25MAX-G	
Tải trọng nâng Load	25kg		25kg	
Bán kính làm việc Working radius	1600mm	1900mm	1600mm	1900mm



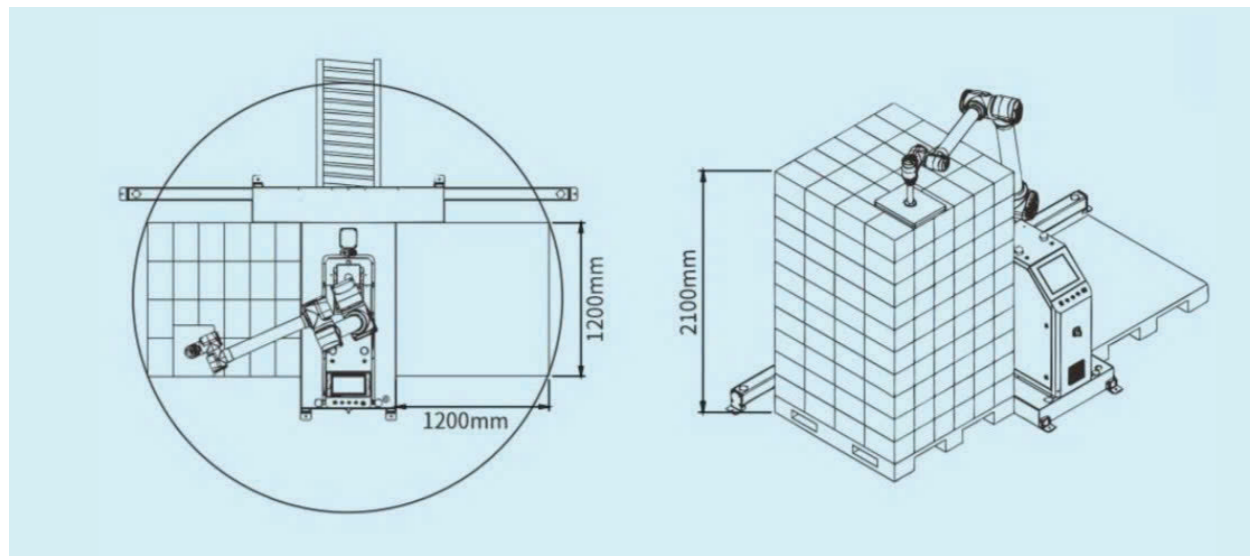
Bán kính làm việc 1600mm  
Working radius

Bán kính làm việc 1900mm  
Working radius

Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm	2600mm	2100mm	2600mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<9 lần/phút		<12 lần/phút	
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm		±0.04mm	
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn		Tùy chọn	
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54		IP54	
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55°C		0~55°C	
Công suất tối đa Maximum power dissipation	3.4Kw		3.3Kw	
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz		220v/50Hz	
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 350kg		≈ 350kg	
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm		1505x1716mm	
Không gian hoạt động Equipment operating area	3150x1716mm	3550x1716mm	3150x1716mm	3550x1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3m	3.2m	3m	3.2m

## P-MD30PRO

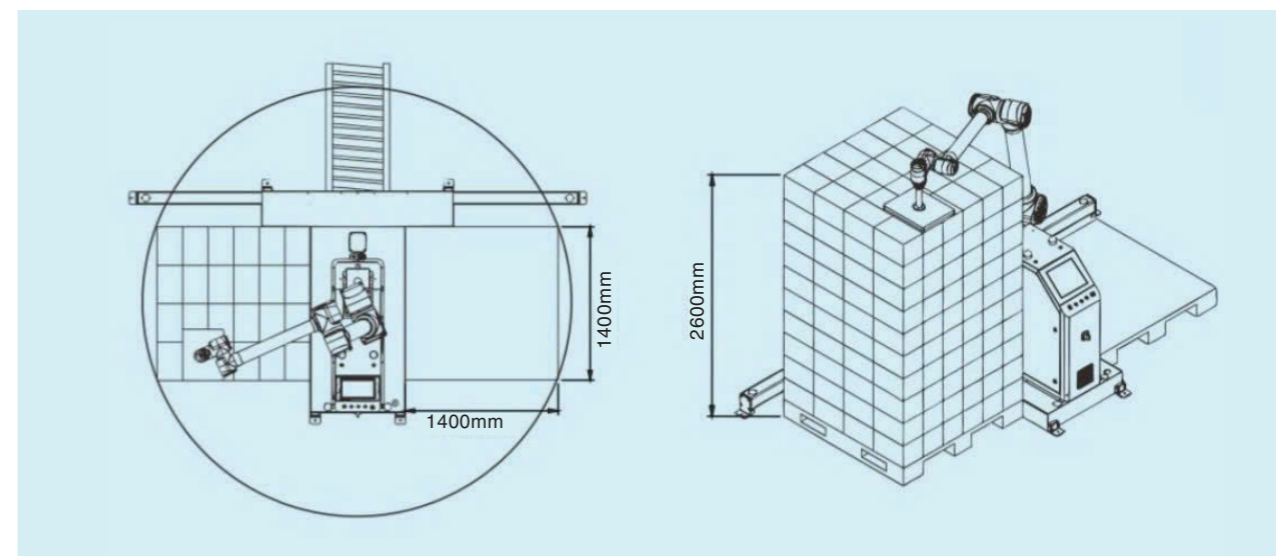
Model	<b>P-MD30PRO</b>
Tải trọng nâng Load	<b>30kg</b>
Bán kính làm việc Working radius	<b>1900mm</b>



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	<b>2100mm</b>
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<b>&lt;9 lần/phút</b>
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	<b>±0.04mm</b>
Chế độ giao tiếp Communicaion mode	<b>Tùy chọn</b>
Cấp độ bảo vệ Level IP	<b>IP54</b>
Dải nhiệt độ Temperature range	<b>0~55°C</b>
Công suất tối đa Maximum power dissipation	<b>3Kw</b>
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	<b>220v/50Hz</b>
Trọng lượng máy Whole machine weight	<b>≈ 350kg</b>
Diện tích lắp đặt Floor area	<b>1505x1716mm</b>
Không gian hoạt động Equipment operating area	<b>3150×1716mm</b>
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	<b>3.2m</b>

## P-MD30MAX

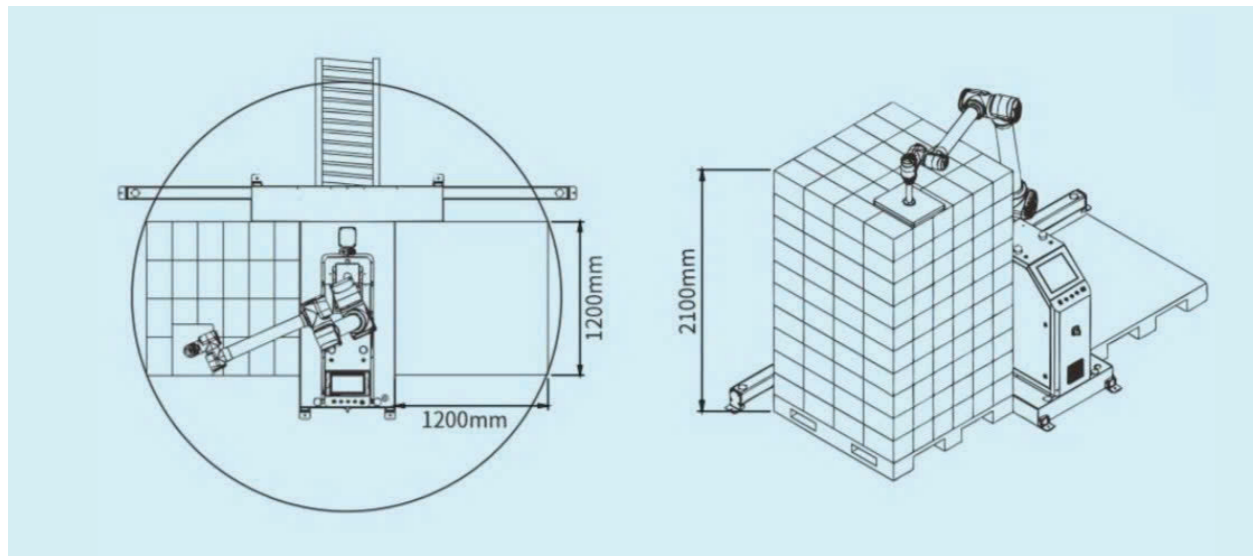
Model	<b>P-MD30MAX</b>
Tải trọng nâng Load	<b>30kg</b>
Bán kính làm việc Working radius	<b>1900mm</b>



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	<b>2600mm</b>
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<b>&lt;9 lần/phút</b>
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	<b>±0.04mm</b>
Chế độ giao tiếp Communicaion mode	<b>Tùy chọn</b>
Cấp độ bảo vệ Level IP	<b>IP54</b>
Dải nhiệt độ Temperature range	<b>0~55°C</b>
Công suất tối đa Maximum power dissipation	<b>3.5Kw</b>
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	<b>220v/50Hz</b>
Trọng lượng máy Whole machine weight	<b>≈ 350kg</b>
Diện tích lắp đặt Floor area	<b>1505x1716mm</b>
Không gian hoạt động Equipment operating area	<b>3550×1716mm</b>
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	<b>3.2m</b>

## P-MD40PRO

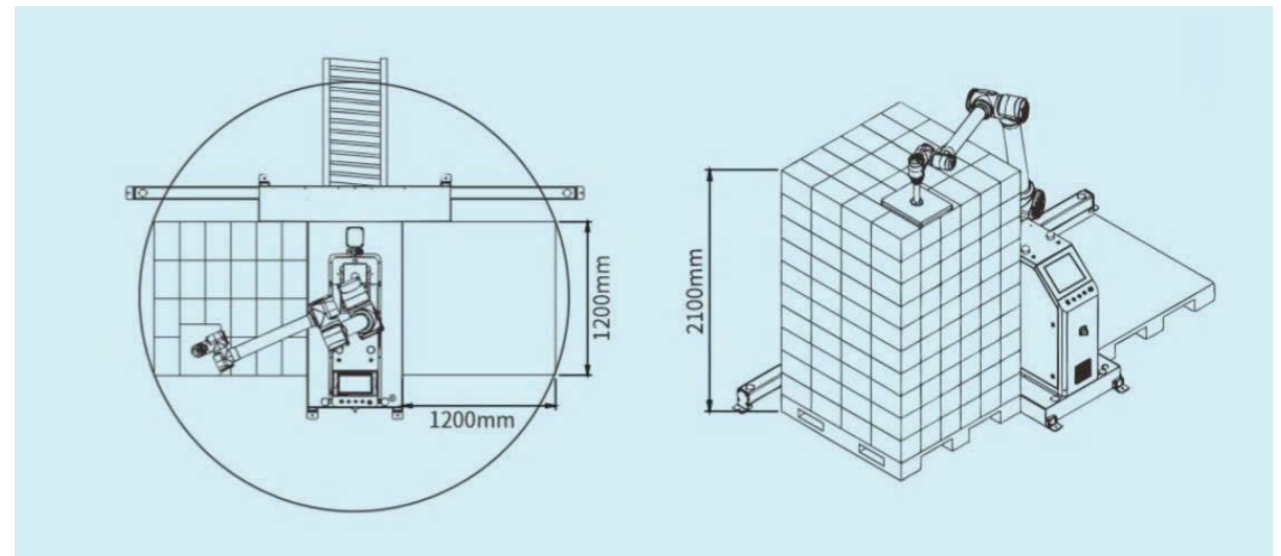
Model	P-MD40PRO
Tải trọng nâng Load	40kg
Bán kính làm việc Working radius	1900mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<7 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	3.5Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 500kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3150x1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.3m

## P-MD40MAX

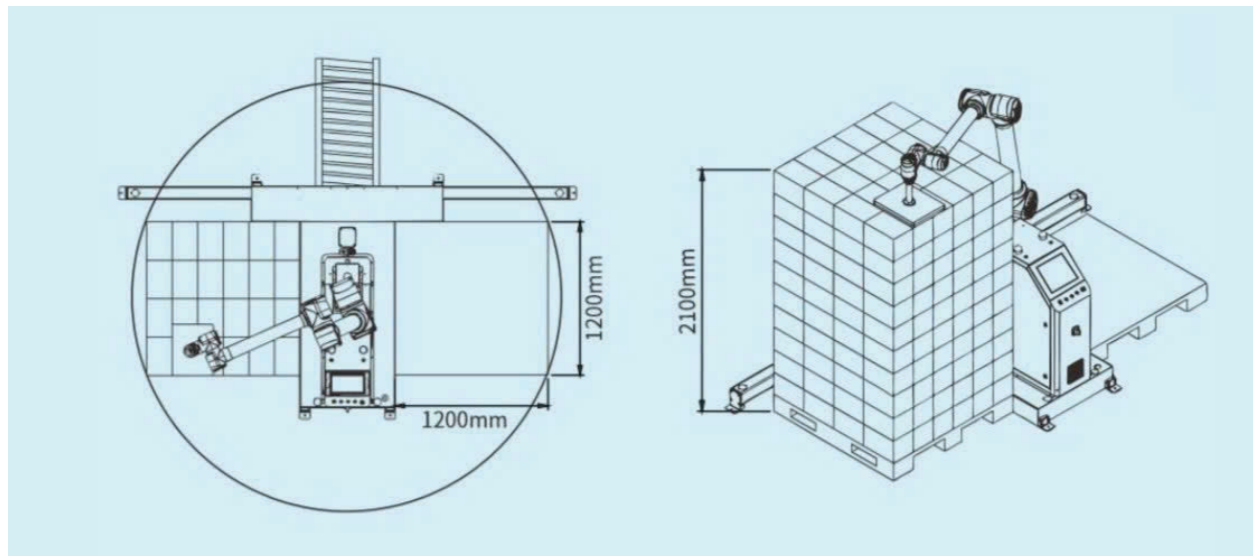
Model	P-MD40MAX
Tải trọng nâng Load	40kg
Bán kính làm việc Working radius	1700mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<7 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communication mode	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	4Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 500kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3250x1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.2m

## P-MD50MAX

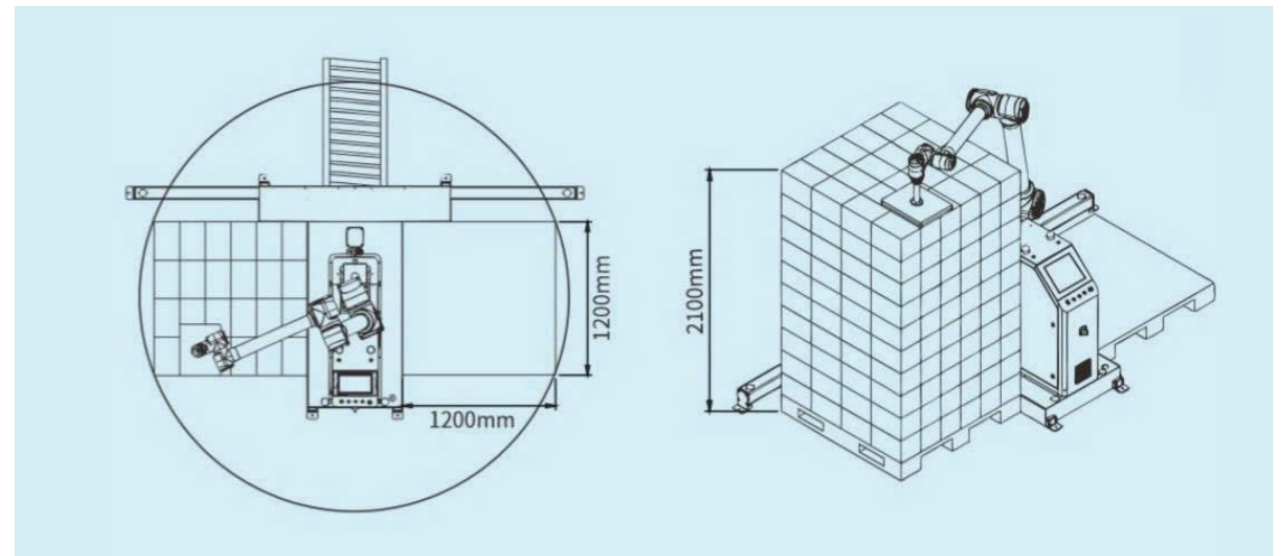
Model	P-MD50MAX
Tải trọng nâng Load	50kg
Bán kính làm việc Working radius	1700mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<7 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communicaion mode	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	4.5Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 500kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3250×1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.2m

## P-MD60MAX

Model	P-MD60MAX
Tải trọng nâng Load	60kg
Bán kính làm việc Working radius	1700mm



Chiều cao xếp hàng Vertical distance	2100mm
Tốc độ xếp hàng Stacking speed	<7 lần/phút
Độ chính xác định vị Repeated positioning accuracy	±0.04mm
Chế độ giao tiếp Communicaion mode	Tùy chọn
Cấp độ bảo vệ Level IP	IP54
Dải nhiệt độ Temperature range	0~55C
Công suất tối đa Maximum power dissipation	5Kw
Nguồn cấp điện Power supply from electric box	220v/50Hz
Trọng lượng máy Whole machine weight	≈ 500kg
Diện tích lắp đặt Floor area	1505x1716mm
Không gian hoạt động Equipment operating area	3250×1716mm
Chiều cao nhà xưởng tối thiểu Minimum factory height	3.2m

**HÌNH ẢNH ỨNG DỤNG CỦA COBOT**  
Collaborative Palletizing Case Display



**Công nghiệp hoá chất**  
Xếp hàng cho sản phẩm giặt và sản phẩm chăm sóc

Daily chemical industry  
Stacking of washing and care products

load: 20~40kg  
8~12 boxes/minute



**Ngành đồ uống**  
Beverage industry  
Stacking of dairy products

load: 10~20kg  
10-18 boxes/minute

**Ngành thực phẩm**  
xếp chồng cho các sản phẩm bánh quy

Food industry  
Stacking of Biscuit Products

load: 20kg  
8-12 boxes/minute  
Stacking height: 2.3m



**Ngành dược phẩm**  
xếp chồng cho sản phẩm thuốc túi chất lỏng

The pharmaceutical industry  
Stacking of liquid medicine bags

load: 20kg  
8-12 boxes/minute

**Xếp hàng cho sản phẩm đông lạnh**

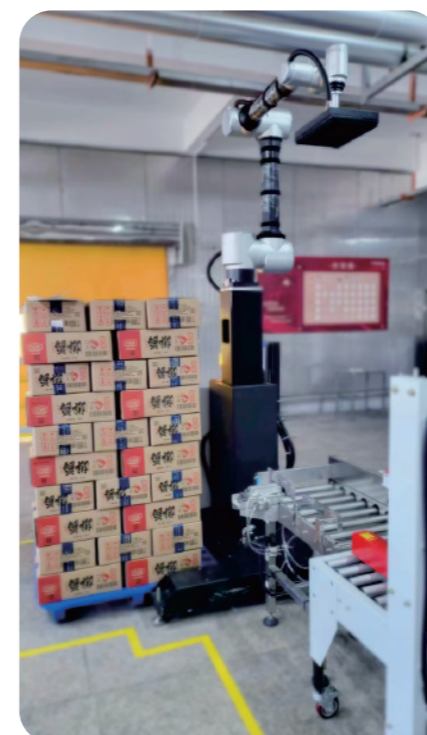
load: 20~30kg  
8-12 boxes/minute



**Ngành in ấn**  
Xếp chồng cho các sản phẩm hộp màu

Printing industry  
Stacking of color box products

load: 20~30kg  
8-12 boxes/minute





Cung cấp cho hơn 4000 doanh nghiệp tại hơn 70 thành phố Trung Quốc và ngoài nước  
Serving over 4000 enterprises in over 70 cities in China and overseas